

**DANH MỤC BIỂU MẪU BÁO CÁO THỐNG KÊ DÙNG ĐỂ THU THẬP
HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ CẤP HUYỆN**

Áp dụng đối với: Tòa án nhân dân huyện/thị xã/thành phố

STT	Tên biểu	Ký hiệu biểu	Kỳ báo cáo	Ngày nhận báo cáo
A	B	C	E	G
1	Số vụ ly hôn	006.N/H0104-TA	Năm	Ngày 10 tháng 3 năm sau năm báo cáo
2	Số vụ án, số bị cáo đã xét xử sơ thẩm	013.N/H0317-TA	Năm	Ngày 10 tháng 3 năm sau năm báo cáo

Biểu số: 006.N/H0104-TA
Ban hành kèm theo Quyết định số
1614/QĐ-UBND ngày 06/10/2023
của UBND tỉnh Bình Phước
Ngày nhận báo cáo: Ngày 10 tháng
3 năm sau năm báo cáo

SỐ VỤ LY HÔN
Năm

Đơn vị báo cáo:
Tòa án nhân dân
Đơn vị nhận báo cáo:
Chi cục Thống kê.....

Đơn vị tính: Vụ/việc

	Mã số	Tổng số
A	B	1
Tổng số	01	

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu
(Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm ...
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, họ tên)

BIỂU SỐ 006.N/H0104-TA: SỐ VỤ LY HÔN

1. Khái niệm, phương pháp tính

Số vụ ly hôn là số vụ, việc đã được Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết cho các cặp vợ chồng được ly hôn bằng bản án, quyết định theo Luật hôn nhân và gia đình.

2. Cách ghi biểu

Cột 1: Ghi tổng số vụ ly hôn của toàn quận/huyện/thị xã/thành phố.

3. Phạm vi và thời kỳ thu thập số liệu

Phạm vi toàn huyện/thị xã/thành phố. Số liệu thu thập năm báo cáo.

4. Nguồn số liệu

Tòa án nhân dân huyện/thị xã/thành phố ...

	Mã số	Số vụ đã xét xử (Vụ)	Số bị cáo đã xét xử (Người)						
			Tổng số	Trong đó: Nữ	Chia theo nhóm tuổi bị cáo				
					Từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi	Từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi	Từ đủ 18 đến 30 tuổi	Từ đủ 31 tuổi trở lên	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	
- Các tội xâm phạm an ninh quốc gia									
-...									
...									

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu
(Ký, họ tên)

....., Ngày ... tháng ... năm ...
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, họ tên)

BIỂU SỐ: 013.N/H0317-TA: SỐ VỤ ÁN, SỐ BỊ CÁO ĐÃ XÉT XỬ SƠ THẨM

1. Khái niệm, phương pháp tính

Số vụ án, số bị cáo đã xét xử sơ thẩm phản ánh số vụ án và số bị cáo trong vụ án hình sự được Tòa án cấp sơ thẩm xét xử trong một giai đoạn cụ thể.

Nguyên tắc thống kê theo tội danh:

- Nếu trong một vụ án chỉ có một bị cáo mà bị cáo đó bị xử phạt với nhiều tội danh khác nhau thì thống kê theo tội danh nặng nhất và có mức hình phạt cao nhất (so sánh giữa các tội mà bị cáo bị xét xử). Trong trường hợp có hai hay nhiều tội danh có mức cao nhất của khung hình phạt bằng nhau thì thống kê theo tội danh được quy định tại Điều luật có số thứ tự nhỏ nhất.

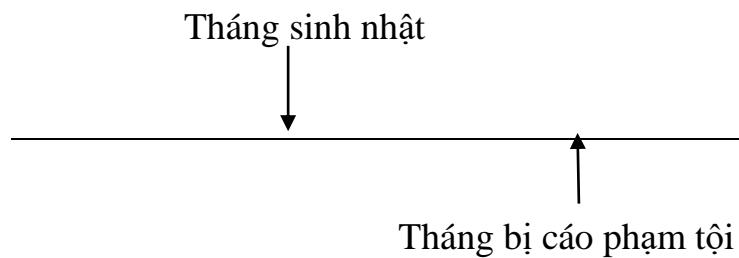
- Trong trường hợp một vụ án có nhiều bị cáo phạm các tội khác nhau thì thống kê số vụ theo bị cáo đầu vụ; đối với các bị cáo phạm tội khác nhau trong vụ án thì thống kê bị cáo theo tội danh mà Tòa án xét xử.

- Tuổi bị cáo tính tại thời điểm phạm tội:

Cách tính tuổi tròn: Nếu tháng mà bị cáo phạm tội trùng hoặc sau tháng sinh nhật thì tuổi tròn được tính là năm phạm tội trừ đi năm sinh. Nếu tháng bị cáo phạm tội trước tháng sinh nhật thì lấy năm phạm tội trừ đi năm sinh và trừ 1.

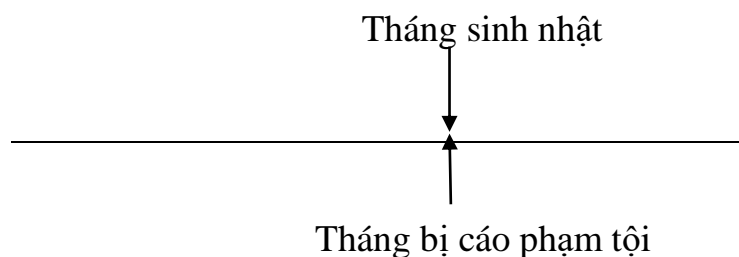
Hình 1: Tháng bị cáo phạm tội sau tháng sinh nhật

$$\text{Tuổi tròn} = \text{Năm phạm tội} - \text{Năm sinh}$$



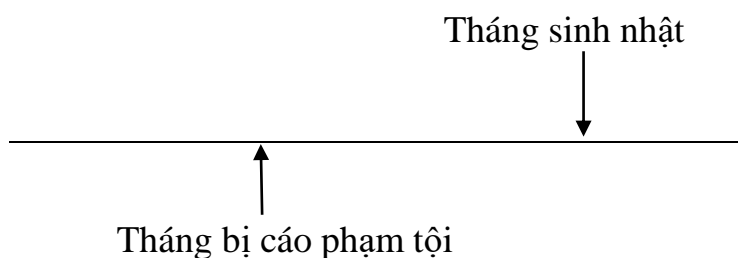
Hình 2: Tháng bị cáo phạm tội trùng tháng sinh nhật

$$\text{Tuổi tròn} = \text{Năm phạm tội} - \text{Năm sinh}$$



Hình 3: Tháng bị cáo phạm tội trước tháng sinh nhật

Tuổi tròn = Năm phạm tội - Năm sinh - 1



2. Cách ghi biểu

- Cột 1: Ghi số vụ án đã xét xử trong kỳ tương ứng với các dòng của cột A.
- Cột 2: Ghi số bị cáo đã xét xử trong kỳ tương ứng với các dòng của cột A.
- Cột 3: Ghi số bị cáo là nữ đã xét xử trong kỳ tương ứng với các dòng của cột A.
- Từ cột 4 đến cột 7: Ghi số bị cáo đã xét xử trong kỳ chia theo từng độ tuổi tương ứng với các dòng của cột A.

3. Phạm vi và thời kỳ thu thập số liệu

- *Phạm vi thu thập số liệu:* Toàn bộ vụ án và bị cáo đã được Tòa án nhân dân xét xử sơ thẩm trong kỳ báo cáo trên phạm vi toàn huyện/thị xã/thành phố.

- *Thời kỳ thu thập số liệu:*

Báo cáo năm: Ngày báo cáo là 20/3 năm sau, thời kỳ thu thập số liệu được tính từ 01/01 năm báo cáo đến hết ngày 31/12 năm báo cáo.

4. Nguồn số liệu

Tòa án nhân dân cấp huyện.